

Số: **80** /QĐ-LĐTĐBXH

Hà Nội, ngày **15** tháng 01 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc Ban hành Chương trình công tác**  
**lĩnh vực Lao động, Người có công và Xã hội năm 2016**

**BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18/04/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 2313/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016; Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 28/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2016;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình công tác lĩnh vực lao động, người có công và xã hội năm 2016.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

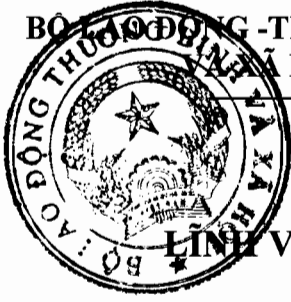
**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Thường trực Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ, Ban Kinh tế Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Tổng Bí thư, Đảng ủy Khối cơ quan Trung ương (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ban chỉ đạo các Vùng (để phối hợp chỉ đạo thực hiện);
- UBTWMTTQ Việt Nam, các tổ chức Chính trị - Xã hội (để phối hợp chỉ đạo thực hiện);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp chỉ đạo thực hiện);
- Các đ/c Thứ trưởng (để chỉ đạo thực hiện);
- Lưu: VT, KHTC.

**BỘ TRƯỞNG**



**Phạm Thị Hải Chuyên**



**CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC  
LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ XÃ HỘI  
NĂM 2016**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 80 /QĐ-LĐTĐ ngày 15/01/2016  
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Quán triệt Nghị quyết số 01/NQ - CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình công tác lĩnh vực lao động, người có công và xã hội năm 2016 với các nội dung chủ yếu sau:

**I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

**1. Mục tiêu**

Nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Bảo đảm an sinh xã hội, tạo nhiều việc làm, nâng cao đời sống người có công, trợ giúp có hiệu quả cho người nghèo, người yếu thế, dễ tổn thương hoặc những người gặp rủi ro trong cuộc sống; thực hiện tiến bộ công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả của sự phát triển góp phần ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

**2. Chỉ tiêu chủ yếu**

**2.1. Chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội:**

(1) Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%.

(2) Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 53%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ 21%

(3) Chỉ tiêu Giảm nghèo: Giảm tỷ lệ hộ nghèo chung cả nước theo chuẩn giai đoạn 2016-2020 từ 1,3 - 1,5%, trong đó các huyện nghèo, xã nghèo giảm 4%.

**2.2. Chỉ tiêu kế hoạch ngành:**

(1) Giải quyết việc làm cho 1.600 ngàn người, trong đó: việc làm trong nước: 1.500 ngàn người (việc làm tăng thêm khoảng 700 ngàn người); số người đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng 100 ngàn người.

(2) Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội trong lực lượng lao động đạt 23 – 25%.

(3) Tuyển mới dạy nghề 2.150 ngàn người, trong đó: Trình độ trung cấp và cao đẳng là 250 ngàn người; trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng là 1.900 ngàn người (hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn theo chính sách của Quyết định 1956/QĐ-TTg 600 ngàn người, trong đó hỗ trợ dạy nghề cho khoảng 60 ngàn người người khuyết tật). Tốt nghiệp học nghề theo các trình độ đào tạo 1.887 ngàn người, trong đó: cao đẳng, trung cấp khoảng 187 ngàn người; sơ cấp khoảng 1.000 ngàn người và dạy nghề dưới 3 tháng khoảng 700 ngàn người.

(4) 98,5% hộ gia đình chính sách người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư nơi cư trú; 98% xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ người có công.

(5) 100% các đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; 81% các đối tượng người khuyết tật được tiếp cận tối thiểu một trong các dịch vụ xã hội.

(6) 86% trẻ em cần sự bảo vệ đặc biệt được trợ giúp; 80% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

(7) 74% người nghiện có hồ sơ quản lý được điều trị, cai nghiện; giảm tỷ lệ điều trị bắt buộc tại các trung tâm cai nghiện xuống còn 17%; tư vấn, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho khoảng 15.000 lượt đối tượng bán dâm, trong đó hỗ trợ vay vốn, tạo việc làm cho 5.000 người.

## **II. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VỀ LAO ĐỘNG, NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ XÃ HỘI NĂM 2016**

### **1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách pháp luật về lao động, người có công và xã hội**

1.1. Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ căn cứ chương trình công tác năm 2016 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xây dựng trình Bộ ban hành kế hoạch xây dựng văn bản, đề án năm 2016, giao nhiệm vụ, tiến độ cụ thể cho từng đơn vị thực hiện; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chương trình công tác đảm bảo chất lượng, tiến độ quy định; tổng hợp báo cáo Bộ tình hình, tiến độ thực hiện (tháng, quý, năm).

Xây dựng trình Bộ phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định.

Tổng hợp, đánh giá, báo cáo Bộ tình hình thực hiện Pháp luật về lao động, người có công và xã hội.

1.2. Các đơn vị thuộc Bộ tập trung nghiên cứu, xây dựng đảm bảo tiến độ, chất lượng xây dựng văn bản, đề án theo kế hoạch; đồng thời rà soát các văn bản đã ban hành không còn phù hợp để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới.

1.3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ động nghiên cứu, tham gia ý kiến vào dự thảo các luật, văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương ngay trong quá trình soạn thảo để kịp thời nắm bắt, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn triển khai thực hiện khi văn bản có hiệu lực.

1.4. Các đơn vị thuộc Bộ, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chính sách, pháp luật; tăng cường tiếp xúc, đối thoại, trao đổi, tiếp nhận thông tin phản hồi của người dân, các tổ chức chính trị- xã hội, doanh nghiệp tạo sự đồng thuận trong thực hiện chính sách, pháp luật.

1.5. Viện Khoa học Lao động - Xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố nghiên cứu, tổng kết đánh giá hiệu quả, tác động của chính sách, pháp luật đã ban hành; đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước, đáp ứng các chuẩn mực quốc tế.



1.6. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc lĩnh vực, địa phương quản lý; lồng ghép với các chương trình, dự án, phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để thực hiện bằng các hình thức phù hợp; phát huy năng lực của Trung tâm Thông tin, Báo Lao động - Xã hội, Tạp chí Lao động - Xã hội, Tạp chí Gia đình và trẻ em để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật các lĩnh vực của Ngành.

## **2. Phát triển thị trường lao động, tạo cơ hội cho mọi người có việc làm**

2.1 Cục Việc làm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương:

Tổng hợp theo dõi, đánh giá việc thực hiện chỉ tiêu: tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%; tỷ lệ lao động qua đào tạo 53%, trong đó đào tạo trên 3 tháng có bằng cấp, chứng chỉ là 21%; giải quyết việc làm trong nước cho 1.500 ngàn người lao động, trong đó tạo việc làm tăng thêm cho khoảng 700 ngàn người.

Nghiên cứu, rà soát đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật về việc làm, bảo hiểm thất nghiệp, phát triển thị trường lao động, quản lý lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam trong điều kiện thành lập cộng đồng kinh tế ASEAN và tham gia các hiệp định tự do thương mại.

Thực hiện chính sách tạo việc làm gắn với phát triển thị trường lao động. Tăng cường vai trò của Nhà nước trong việc giám sát, điều tiết cung - cầu lao động; nâng cao chất lượng công tác dự báo và thông tin thị trường lao động; tăng cường các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm của hệ thống Trung tâm Dịch vụ việc làm đặc biệt là phát huy vai trò trung tâm của các Trung tâm Dịch vụ việc làm khu vực trong kết nối giữa các địa phương có nhu cầu về nguồn lao động với các địa phương có nguồn lao động lớn; đa dạng hoá các hoạt động giao dịch việc làm; tăng tần suất, nâng cao hiệu quả tổ chức sàn giao dịch việc làm tại địa phương; kết nối hệ thống thông tin thị trường lao động địa phương với hệ thống thông tin thị trường lao động quốc gia.

Tăng cường sự phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội ở các cấp trong việc thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm thất nghiệp; quản lý tốt đối tượng đóng và tham gia bảo hiểm thất nghiệp; thực hiện các giải pháp mở rộng diện tham gia và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp.

Tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực, nghiệp vụ gắn với cải cách thủ tục hành chính trong việc đăng ký, cấp phép cho lao động người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Triển khai thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới các Trung tâm dịch vụ việc làm giai đoạn 2016–2020 theo Quyết định số 1833/QĐ-TTg ngày 28/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoàn thiện dự án Phát triển thị trường lao động và việc làm (Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp – việc làm và an toàn vệ sinh lao động) và tổ chức triển khai thực hiện khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2.2. Cục Quản lý lao động ngoài nước chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố và các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ở Trung ương và địa phương:

Tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu xuất khẩu lao động 100 ngàn người.

Cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động mở thị trường; tổ chức tuyển chọn, giáo dục định hướng, dạy nghề... tạo nguồn lao động xuất khẩu theo yêu cầu của thị trường.

Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp giữ và tăng thị phần ở các thị trường truyền thống; đồng thời tiếp tục đàm phán, ký kết thỏa thuận xuất khẩu lao động, hợp tác lao động mới với một số nước và vùng lãnh thổ như Thái Lan, Malaysia, Đài Loan (Trung Quốc)... Đẩy mạnh các hình thức hợp tác đưa lao động có trình độ, tay nghề đi làm việc ở nước ngoài như: đưa điều dưỡng viên, người lao động đi làm việc ở Nhật Bản, Cộng hòa liên bang Đức...

Thực hiện tốt công tác quản lý lao động làm việc ở ngoài nước để bảo vệ quyền lợi người lao động, đồng thời xử lý kịp thời những vi phạm kỷ luật của người lao động làm ảnh hưởng đến thị trường.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Pháp luật về đưa người lao động Việt nam đi làm việc ở nước ngoài của các doanh nghiệp xuất khẩu lao động, xử lý nghiêm minh, kịp thời các vi phạm. Đồng thời, đưa ra các biện pháp siết chặt hơn nữa trong công tác quản lý hoạt động đưa người lao động sang Đài Loan làm việc, trong đó, bên cạnh việc xử phạt hành chính ở mức cao nhất, sẽ cương quyết tạm dừng hoạt động đối với các doanh nghiệp vi phạm.

Tổ chức thực hiện tốt các chương trình, dự án hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách của đề án Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo nhanh, bền vững giai đoạn 2009-2020.

### **3. Thực hiện chính sách lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, cải thiện quan hệ lao động, điều kiện lao động.**

3.1. Vụ Lao động - Tiền lương, Trung tâm Hỗ trợ phát triển quan hệ lao động, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ở Trung ương và địa phương:

Nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về lao động, tiền lương, thu nhập, quan hệ lao động trong điều kiện thành lập cộng đồng kinh tế ASEAN và tham gia các hiệp định tự do thương mại.

Nghiên cứu, rà soát, đề xuất ban hành các quy định pháp lý về sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp (nội dung liên quan đến lao động, tiền lương...) tạo thuận lợi hơn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp 2014; Bộ luật Lao động; Luật Việc làm; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp 2014...

Tiếp tục thực hiện lộ trình cải cách tiền lương; hướng dẫn, kiểm tra giám sát bảo đảm thực hiện đúng quy định về mức lương tối thiểu vùng đối với các doanh



nghiệp năm 2016 theo Nghị định số 103/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính phủ và các quy định của pháp luật về tiền lương; phối hợp với Hội đồng tiền lương Quốc gia tham mưu đề xuất mức lương tối thiểu vùng năm 2017.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 97/NQ-CP ngày 26/12/2014 về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Kết luận số 96-KL/TW ngày 07/4/2014 của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 22-CT/TW ngày 05/6/2008 của Ban Bí thư khóa X về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp.

Tiếp tục hướng dẫn các địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án hỗ trợ phát triển quan hệ lao động; đặc biệt là ở các tỉnh thuộc 4 vùng kinh tế trọng điểm theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 4690/VPCP-KGVX ngày 11/6/2013.

Chủ động theo dõi, nắm bắt và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động, nhằm giảm thiểu các vụ đình công, lãn công của người lao động, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội; tổng hợp đầy đủ, kịp thời báo cáo diễn biến tình hình và kết quả giải quyết các vụ đình công.

3.2. Vụ Bảo hiểm xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ở Trung ương và địa phương:

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 26/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012 - 2020; hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm xã hội (2014) để triển khai thực hiện khi Luật có hiệu lực.

Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội; nghiên cứu đề xuất bổ sung chế tài về nghĩa vụ tham gia bảo hiểm xã hội; xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội đặc biệt là các doanh nghiệp chôn, chậm đóng bảo hiểm xã hội.

Quản lý tốt đối tượng đóng và tham gia bảo hiểm xã hội; nghiên cứu, xây dựng chính sách hỗ trợ có trọng điểm cho đối tượng tự nguyện tham gia bảo hiểm xã hội; chính sách bảo hiểm hưu trí bổ sung. Thực hiện các giải pháp mở rộng diện tham gia phân đầu hoàn thành chỉ tiêu tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội trong lực lượng lao động đạt 23 – 25%.

3.3. Cục An toàn lao động, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ở Trung ương và địa phương:

Hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động để thực hiện khi Luật có hiệu lực.

Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về An toàn, vệ sinh lao động; tăng cường công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; nâng cao năng lực hoạt động đăng ký, kiểm định, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hoá có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; thực hiện kiểm tra công tác huấn luyện, kiểm định ở một số Bộ, ngành, địa phương; tiếp tục nghiên cứu hoàn

thiện chính sách huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và tổ chức hướng dẫn công tác huấn luyện, kiểm định về an toàn lao động.

Tổ chức Tuần lễ quốc gia an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ lần thứ 18.

Theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn lao động và tình hình tai nạn lao động; xử lý, đề xuất xử lý tai nạn lao động nghiêm trọng.

Hoàn thiện dự án Tăng cường an toàn lao động, vệ sinh lao động (Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – việc làm và an toàn vệ sinh lao động) và tổ chức thực hiện khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

#### **4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp**

Tổng cục Dạy nghề, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ở Trung ương và địa phương:

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/8/2013 và Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Tập trung triển khai thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp theo sự phân công của Chính phủ; tiếp tục thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011-2020 nhằm phát triển dạy nghề nhanh về quy mô đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy nghề. Thực hiện liên thông trong đào tạo và phân luồng mạnh mẽ sang giáo dục nghề nghiệp. Rà soát quy hoạch sắp xếp lại mạng lưới giáo dục nghề nghiệp, gắn quy hoạch đào tạo nguồn nhân lực với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, vùng và địa phương;

Nâng cao hiệu quả đào tạo, dạy nghề gắn với giải quyết việc làm; đào tạo cung cấp lao động có tay nghề trình độ cao cho các khu vực kinh tế, khu công nghiệp tập trung và các dự án đầu tư lớn có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển đất nước; từng bước đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động sau khi thành lập cộng đồng kinh tế ASEAN và tham gia các hiệp định tự do thương mại.

Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn; gắn đào tạo nghề với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và đáp ứng nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính trong lĩnh vực dạy nghề, giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hóa, quản lý có hiệu quả nguồn lực đầu tư cho dạy nghề và giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia dạy nghề.

Tăng cường hợp tác quốc tế về dạy nghề, hợp tác với các nước ASEAN để tiến tới công nhận kỹ năng nghề giữa các nước. Tạo hành lang pháp lý thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư, các doanh nghiệp nước ngoài phát triển cơ sở dạy nghề chất lượng cao, hợp tác đào tạo nghề tại Việt Nam.



Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức của xã hội về học nghề lập nghiệp.

Hoàn thiện Dự án dạy nghề cho lao động nông thôn (Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới), dự án Đổi mới và nâng cao chất lượng dạy nghề (Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – việc làm và an toàn vệ sinh lao động) và tổ chức thực hiện khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả kế hoạch năm 2016 dự án Dạy nghề cho lao động nông thôn đã được bố trí kinh phí năm 2016; theo dõi, giám sát sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

## **5. Cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của Người có công**

Cục Người có công, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương:

Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ ưu đãi người có công; tăng cường tiếp xúc, đối thoại, trao đổi, tiếp nhận thông tin phản hồi của người có công, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và nhân dân tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện chính sách ưu đãi người có công.

Rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung các chính sách, pháp luật về ưu đãi Người có công với cách mạng khi thực hiện còn có vướng mắc.

Tập trung xử lý dứt điểm các trường hợp còn tồn đọng về xác nhận, công nhận người có công, đặc biệt với đối tượng liệt sỹ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh trong chiến tranh không còn giấy tờ; người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị ảnh hưởng bởi chất độc hóa học.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả kế hoạch năm 2016 Đề án “Xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin”; phối hợp với Bộ Xây dựng thực hiện đề án hỗ trợ nhà ở cho người có công còn khó khăn về nhà ở.

Tổ chức Hội nghị biểu dương Người có công tiêu biểu năm 2016. Đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công” nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng; đào tạo, bồi dưỡng thế hệ con em người có công tiếp tục phát huy truyền thống, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

## **6. Thực hiện mục tiêu Giảm nghèo bền vững**

Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo, Cục Bảo trợ xã hội và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ở Trung ương và địa phương:

Tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội ngày 24/6/2014 về việc đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020; Nghị quyết 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 – 2020; Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008



của Chính phủ về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo (nay là 64 huyện nghèo).

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo theo hướng bền vững, tăng cường khả năng tiếp cận của đối tượng thụ hưởng và sự tham gia của người nghèo, trong đó chú trọng các giải pháp khuyến khích người nghèo vươn lên thoát nghèo, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.

Tổ chức tổng kết 6 năm thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo. Tổng kết các mô hình giảm nghèo đã và đang thực hiện có hiệu quả ở địa phương để có cơ sở hoàn thiện và nhân rộng ra các địa phương khác.

Triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo đơn chiều sang đa chiều theo Quyết định số 1614/QĐ-TTg ngày 15/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội.

Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả kế hoạch năm 2016 các Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016- 2020 đã được bố trí kinh phí năm 2016. Theo dõi, giám sát sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

Triển khai thực hiện quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020. Công bố chính thức kết quả rà soát hộ nghèo năm 2015; tổ chức rà soát hộ nghèo năm 2016 chú ý rà soát, phân loại các nguyên nhân nghèo theo các nhóm hộ để có các chính sách trợ giúp phù hợp, đồng thời phân công, giao nhiệm vụ, kêu gọi sự trợ giúp từ doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội và cá nhân đối với hộ nghèo; tạo phong trào thi đua làm kinh tế giỏi, thoát nghèo vươn lên khá giả trong các cộng đồng dân cư.

## **7. Tăng cường hoạt động bảo trợ, trợ giúp xã hội**

Cục Bảo trợ Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương:

Phối hợp tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và của Bộ thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.

Thực hiện đầy đủ các chính sách trợ giúp xã hội đã ban hành; từng bước mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội, nâng dần mức trợ cấp xã hội thường xuyên và mức nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở bảo trợ xã hội phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước. Cải cách hệ thống chi trả chính sách trợ giúp xã hội bảo đảm chi trả kịp thời, đúng đối tượng và thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ công chuyên nghiệp. Khuyến khích xã hội hóa, huy động sự tham gia của mọi thành phần trong xã hội vào việc đảm bảo an sinh xã hội, cung cấp dịch vụ xã hội cho người dân.

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp; cung cấp số liệu chính xác cho nghiên cứu và hoạch định chính sách an sinh xã hội; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an sinh xã hội và trợ giúp xã hội.

Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, đề án, dự án trợ giúp xã hội đã được phê duyệt; theo dõi, giám sát sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

Triển khai thực hiện Đề án củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 – 2025 theo Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 20/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2025 theo quyết định số 1520/QĐ-LDDTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Hoàn thiện Chương trình mục tiêu Hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020 và tổ chức thực hiện sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Theo dõi sát tình hình thiếu đói giáp hạt, thiệt hại do thiên tai để kịp thời đề xuất các giải pháp khắc phục hậu quả; hướng dẫn địa phương chủ động phòng chống, khắc phục hậu quả do thiên tai.

## **8. Tạo môi trường sống an toàn, thân thiện cho trẻ em**

8.1. Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương:

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; thực hiện đầy đủ các điều ước quốc tế về quyền trẻ em mà Việt Nam đã phê chuẩn, tham gia.

Tập trung xây dựng “xã, phường phù hợp với trẻ em”, để mọi trẻ em đều được bảo vệ, chăm sóc và đảm bảo thực hiện các quyền cơ bản của trẻ em. Phần đầu 86% trẻ em cần sự bảo vệ đặc biệt được trợ giúp; 80% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

Tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ tình nguyện viên làm công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em; từng bước mở rộng mạng lưới, chuyên nghiệp hoá đội ngũ cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn, bản; thành lập, đưa vào hoạt động một số loại hình dịch vụ bảo vệ trẻ em (Trung tâm công tác xã hội trẻ em, điểm tham vấn cộng đồng, trường học); tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn về bảo vệ, chăm sóc trẻ em: tổ chức Tháng hành động vì trẻ em năm 2016, Diễn đàn trẻ em Quốc gia; tổ chức các chiến dịch truyền thông về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; xây dựng chuyên trang, chuyên mục trên các báo, đài; nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm truyền thông mẫu về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; nâng cao năng lực truyền thông về bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho lực lượng truyền thông đại chúng.



Tổng kết, đánh giá các mô hình bảo vệ, chăm sóc trẻ em đã và đang thực hiện có hiệu quả ở địa phương để có cơ sở hoàn thiện và nhân rộng ra các địa phương khác.

Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, đặc biệt là Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNICEF) trong việc huy động nguồn lực xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án, dự án trợ giúp bảo vệ, chăm sóc trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; hỗ trợ kỹ thuật, kiến thức và kinh nghiệm cho công tác xây dựng, sửa đổi và hoàn thiện chính sách, hướng dẫn thực hiện cũng như xây dựng kế hoạch, giám sát, đánh giá thực hiện mục tiêu về chăm sóc, bảo vệ trẻ em.

Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các Chương trình, dự án, đề án, kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc trẻ em đã được phê duyệt; theo dõi, giám sát sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

Hoàn thiện dự án Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em (Chương trình mục tiêu Hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020) và tổ chức thực hiện sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

8.2. Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam, Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở trung ương và địa phương: kiện toàn và phát huy hiệu quả hệ thống Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp; đổi mới hình thức, nội dung vận động, hoạt động của Quỹ; triển khai các chương trình, dự án nhằm hỗ trợ khoảng 1 triệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong phạm vi toàn quốc.

## **9. Thực hiện bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ**

Vụ Bình đẳng giới, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương:

Tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng thành các chính sách, pháp luật đối với phụ nữ, công tác phụ nữ và bình đẳng giới. Tăng cường công tác phối hợp giữa các Bộ, ngành trong việc triển khai thực hiện Luật Bình đẳng giới, đặc biệt là các Bộ, ngành chức năng có liên quan tới việc thực thi bình đẳng giới ở 8 lĩnh vực trọng yếu mà Luật đã quy định là: chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế và gia đình.

Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ từ Trung ương đến địa phương, cơ sở. Cùng với các địa phương và cơ quan liên quan thúc đẩy thực hiện các chỉ tiêu về bình đẳng giới trong Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020, trong đó chú trọng chỉ tiêu về tỷ lệ phụ nữ tham gia chính trị, lãnh đạo quản lý.

Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các Chương trình, đề án để đạt mục tiêu kế hoạch năm 2016: Chiến lược về bình đẳng giới, Dự án Hỗ trợ các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới thuộc Chương trình mục tiêu Hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

## **10. Giảm phát sinh mới tệ nạn xã hội; nâng cao chất lượng cai nghiện phục hồi, quản lý sau cai; phòng chống tệ nạn mại dâm**

Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương:

Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26/12/2014 về tăng cường công tác phòng chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy trong tình hình mới. Tiếp tục triển khai đưa người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Nghị quyết số 77/2014/QH13 ngày 10/11/2014 của Quốc hội cho đến khi các Luật liên quan được sửa đổi, bổ sung có hiệu lực.

Tiếp tục đổi mới công tác, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy: Từng bước chuyển đổi các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thành cơ sở điều trị tự nguyện; triển khai quy hoạch Trung tâm cai nghiện bắt buộc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.... Từng bước xây dựng hình thành mạng lưới các cơ sở điều trị cai nghiện có đủ năng lực triển khai điều trị thay thế nghiện bằng chất Methadone và các phương pháp điều trị khác đáp ứng nhu cầu đa dạng về dịch vụ điều trị cai nghiện cho người nghiện ma túy ở các địa phương. Tăng cường quản lý, tư vấn, trợ giúp người sau cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống, phòng chống tái nghiện.

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống tệ nạn mại dâm theo Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp phòng, chống mại dâm trong tình hình hiện nay. Phòng ngừa, tiến tới đẩy lùi tệ nạn mại dâm dưới mọi hình thức. Xây dựng các cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội phát triển để thực hiện các hoạt động hỗ trợ, tạo điều kiện cho người bán dâm được dễ dàng tiếp cận với các dịch vụ xã hội. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân trong công tác phòng, chống mại dâm ở các cấp, các ngành và toàn xã hội.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai các nội dung Đề án “Tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về”. Rà soát, đánh giá thực trạng hệ thống dịch vụ hỗ trợ nạn nhân ở cộng đồng, hệ thống cơ quan, tổ chức thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về tái hòa nhập cộng đồng trên phạm vi toàn quốc, đề xuất các biện pháp, giải pháp tăng cường hỗ trợ tại cộng đồng. Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ vay vốn, học nghề, tạo việc làm và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, chăm sóc y tế, thông tin... đối với nạn nhân bị mua bán trở về hòa nhập cộng đồng được tốt hơn.

Nhân rộng mô hình xã, phường phòng ngừa, ngăn chặn phát sinh mới tệ nạn ma túy, mại dâm. Mở rộng và nâng cao hiệu quả cuộc vận động xây dựng “xã, phường lành mạnh không có tệ nạn xã hội”; chuyển hóa những xã, phường trọng điểm về tệ nạn ma túy, mại dâm; huy động tổ chức Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh các cấp, nhà trường... thực hiện đồng bộ các giải pháp về tuyên truyền, giáo dục, vận động thanh niên tránh xa ma túy, mại dâm; xây dựng lực lượng tình nguyện viên ở các xã, phường.

Tổ chức thực hiện Dự án Phát triển Hệ thống dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy, người bán dâm và nạn nhân bị mua bán (Chương trình mục tiêu Hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020) sau khi được Thủ tướng Chính



phủ phê duyệt; Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy ở Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

## **11. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng, lãng phí**

Thanh tra Bộ, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan ở Trung ương và địa phương:

Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, địa phương thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng sửa đổi; Kế hoạch và chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng; tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, nhất là tập trung thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 06/02/2012 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 21-KL/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí.

Tiếp tục thực hiện “Đề án nâng cao năng lực thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội” theo Quyết định số 2155/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện công tác thanh tra hành chính, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành, trong đó tập trung thanh tra việc quản lý, sử dụng kinh phí các chương trình mục tiêu; công tác đầu tư xây dựng cơ bản.

Thanh tra vùng; thanh tra việc thực hiện pháp luật lao động; thanh tra chuyên đề về an toàn, vệ sinh lao động; tiếp tục triển khai việc phát phiếu tự kiểm tra thực hiện pháp luật lao động tại doanh nghiệp; thanh tra lĩnh vực đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; thanh tra lĩnh vực người có công; thanh tra lĩnh vực trẻ em, bình đẳng giới, bảo trợ xã hội; thanh tra lĩnh vực bảo hiểm xã hội; thanh tra dạy nghề cho lao động nông thôn.

Tăng cường công tác kiểm tra, tập trung kiểm tra xử lý, làm chuyên biến rõ nét những vấn đề xã hội còn bức xúc, cử tri và đại biểu Quốc hội quan tâm như: dạy nghề cho lao động nông thôn, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, cai nghiện ma túy... .

Tập trung thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, trong đó chú trọng thanh tra phát hiện những yếu kém, vi phạm trong việc chấp hành các chính sách, pháp luật để ngăn chặn, xử lý các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng. Tiếp tục kiểm tra, rà soát để có biện pháp xử lý dứt điểm các vụ việc khiếu nại phức tạp, kéo dài. Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 39/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội và chỉ đạo của Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và Luật Tiếp công dân.

## **12. Tích cực, chủ động trong hợp tác quốc tế**

Vụ Hợp tác Quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan ở Trung ương và địa phương:

Tiếp tục cụ thể hóa chủ trương “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế” theo tinh thần của Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế.

Thực hiện tốt vai trò cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo liên ngành về Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ và giáo dục - đào tạo cộng đồng các nước ASEAN. Chủ động tham gia có hiệu quả, nâng tầm đối ngoại đa phương; tiếp tục đưa quan hệ đối tác, nhất là quan hệ với các nước láng giềng, ASEAN, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, các nước lớn đi vào chiều sâu, có hiệu quả, củng cố hơn nữa đoàn kết, đồng thuận trong ASEAN. Tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13/5/2014 của Chính phủ Ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế.

Tăng cường hợp tác với các đối tác quốc tế song phương, đa phương, ASEAN và phi chính phủ; triển khai có hiệu quả các cam kết quốc tế. Tăng cường đối thoại chính sách thông qua đoàn ra, đoàn vào, tiếp khách quốc tế. Mở rộng các lĩnh vực và đối tác hợp tác. Tổ chức các hội thảo về quan hệ đối tác, vận động tài trợ.

Triển khai thực hiện Chiến lược hội nhập về lao động xã hội; đề án xây dựng kế hoạch thực hiện các mục tiêu cộng đồng văn hóa xã hội ASEAN sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Kế hoạch hành động về Thông tin đối ngoại và Chương trình hành động về thông tin đối ngoại giai đoạn 2014-2020. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về chính sách nhân quyền của Đảng, Nhà nước. Triển khai các hoạt động đối ngoại đặc thù.

### **13. Cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước**

13.1. Vụ Pháp chế, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan ở Trung ương và địa phương:

Tiếp tục thực hiện các nội dung cải cách hành chính, đặc biệt tập trung vào cải cách thủ tục hành chính. Thực hiện nghiêm các văn bản pháp luật về đơn giản hóa thủ tục hành chính. Rà soát, bãi bỏ các thủ tục không cần thiết gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

Tăng cường công bố, công khai thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật và kiểm soát thủ tục hành chính.

Triển khai hình thức thuê dịch vụ theo Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước để nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin; đồng thời giảm đầu tư từ ngân sách nhà nước; đặc biệt là áp dụng trong cung cấp các dịch vụ công trực tuyến để góp phần tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

13.2. Vụ Tổ chức Cán bộ, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan ở Trung ương và địa phương:



Triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ công chức, viên chức .

Rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm; làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức; tập trung hoàn thiện danh mục vị trí việc làm sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện.

#### **14. Quy hoạch, đầu tư cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp**

Vụ Kế hoạch – Tài chính, Vụ Tổ chức cán bộ, các đơn vị trực thuộc Bộ và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố:

Tổ chức thực hiện Luật đầu tư công. Xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020. Chú trọng việc lập báo cáo đề xuất thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư; cân đối bố trí đủ vốn để chuẩn bị đầu tư và thực hiện các dự án theo thẩm quyền của Bộ.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong tất cả các khâu của quá trình đầu tư; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để dự án triển khai nhanh, đúng tiến độ, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

Quy hoạch, đầu tư phát triển các cơ sở sự nghiệp thuộc Bộ, ngành; tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tăng cường phân cấp và tăng tính tự chủ về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, tài chính trên cơ sở có tính đến đặc điểm từng loại hình dịch vụ, khả năng và nhu cầu thị trường, trình độ quản lý.

Triển khai thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương nghiên cứu đề xuất phương án thí điểm chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực quản lý của ngành thành công ty cổ phần theo chủ trương của Chính phủ.

Thực hiện vai trò chủ sở hữu phần vốn nhà nước đối với các doanh nghiệp thuộc Bộ đã cổ phần hóa. Nghiên cứu xây dựng phương án và tiếp tục thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

#### **15. Tăng cường công tác quản lý tài chính**

Vụ Kế hoạch – Tài chính, các đơn vị dự toán trực thuộc Bộ và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố:

Tổ chức điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ quy định. Xây dựng phương án tiết kiệm để thực hiện ngay từ khâu phân bổ dự toán và cả trong quá trình thực hiện.

Cắt giảm tối đa các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài, mua sắm ô tô và trang bị đắt tiền. Áp dụng phổ biến hình thức hội nghị, hội thảo trực tuyến để tiết kiệm chi ngân sách nhà nước.

Dừng triển khai và thu hồi các khoản kinh phí thường xuyên đến ngày 30/6/2016 đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện, chưa phê duyệt dự toán, chưa tổ chức đấu thầu theo quy định.

Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương trên cơ sở dự toán ngân sách nhà nước được giao; cân đối nguồn tăng lương theo đúng Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2016.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Căn cứ vào Chương trình công tác này và các Nghị quyết, Quyết định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

1. Khẩn trương xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện ngay trong tháng 2 năm 2016 Chương trình công tác cụ thể của đơn vị, địa phương; trong đó, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian và phân công từng bộ phận, cá nhân chủ trì để triển khai thực hiện và gửi về Bộ (Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế) trước ngày 01/3/2016 để theo dõi, giám sát.

2. Tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả các giải pháp trong chương trình; thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện chương trình công tác đã đề ra; tổ chức giao ban hàng tháng để kiểm điểm tình hình thực hiện chương trình, chủ động xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải pháp xử lý phù hợp, kịp thời những vấn đề mới phát sinh.

Tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện chương trình hàng tháng, quý gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính trước ngày 15 hàng tháng và tháng cuối quý để tổng hợp báo cáo các cấp có thẩm quyền theo quy định.

3. Tăng cường công tác phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương; các cơ quan của Đảng, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

4. Chánh Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chương trình công tác này, định kỳ báo cáo và đề xuất với Bộ trưởng về các biện pháp cần thiết bảo đảm chương trình được thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

5. Phát động phong trào thi đua yêu nước trong toàn ngành, phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu, nhiệm vụ trong từng cơ quan, đơn vị và toàn ngành./.

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**